

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến thế giới sau khi nhiều nước tái áp đặt lệnh phong tỏa nghiêm ngặt để giảm sự lây lan của biến thể Omicron

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm trong phiên chiều trước lo ngại số ca nhiễm covid trên thế giới tăng nhanh khiến nhiều nước tái áp dụng biện pháp giãn cách

[Thông tin doanh nghiệp]

SSI, HPG

[Cập nhật công ty]

GAS, SSH

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục linh hoạt mua tại hỗ trợ/bán tại kháng cự một phần vị thế trading đối với các cổ phiếu mục tiêu.

20/12/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,477.33	-0.17
VN30	1,513.60	+0.00
HĐTL VN30F1M	1,508.00	-0.79
HNXIndex	454.59	-0.35
HNX30	776.01	-0.30
UPCoM	111.02	-0.52
USD/VND	22,929	-0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.09	-1
Lãi suất qua đêm (%)	0.78	+9
Dầu (WTI, \$)	67.73	-4.42
Vàng (LME, \$)	1,801.88	+0.21



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,477.33 (-0.17%)
KLGD (triệu CP) 963.4 (-6.7%)
GTGD (triệu US\$) 1,262.2 (-16.0%)

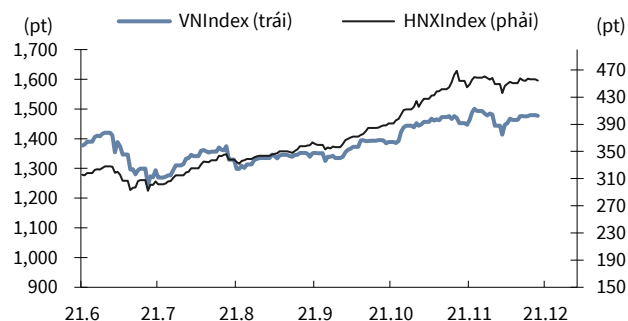
HNXIndex 454.59 (-0.35%)
KLGD (triệu CP) 129.9 (-18.0%)
GTGD (triệu US\$) 151.9 (-9.2%)

UPCoM 111.02 (-0.52%)
KLGD (triệu CP) 94.7 (-51.5%)
GTGD (triệu US\$) 75.2 (-29.9%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -0.2

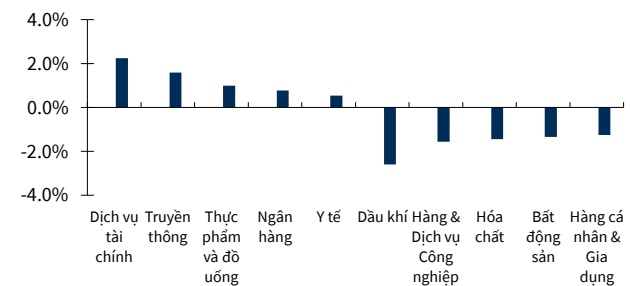
TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến thế giới sau khi nhiều nước tái áp đặt lệnh phong tỏa nghiêm ngặt để giảm sự lây lan của biến thể Omicron. Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam dự báo kim ngạch xuất khẩu cá tra cả năm 2021 ước đạt 1.54 tỷ USD, tăng 3% so với năm 2020 giúp cổ phiếu thủy sản tích cực hơn thị trường chung VHC (+1.7%), MPC (+0.2%). Theo Bộ xây dựng, kể từ đầu tháng 10, các địa phương dần gỡ bỏ các biện pháp hạn chế, ngành xây dựng cũng ghi nhận sự phục hồi khi giá trị tăng thêm trong quý cuối năm dự kiến tăng 33% so với quý III giúp cổ phiếu xây dựng và nguyên vật liệu tăng giá C4G (+2.5%), DHA (+1.1%). Khối ngoại bán ròng ở CII (+7%), HSG (-1.1%), VIC (-2.9%).

VNIndex & HNXIndex



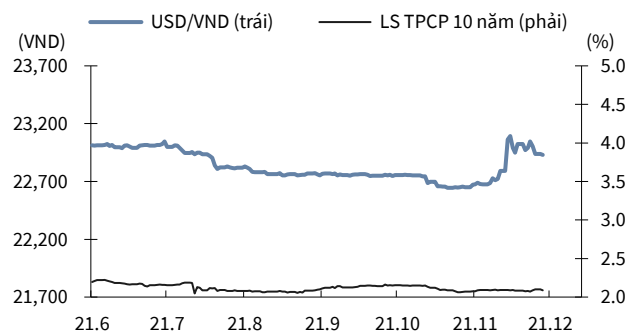
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

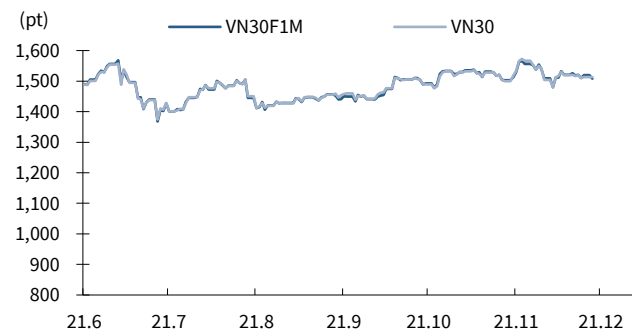
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,513.60 (+0.00%)
VN30F1M	1,508.0 (-0.79%)
Mở cửa	1,512.0
Cao nhất	1,517.5
Thấp nhất	1,495.2

Các HĐTL giảm điểm trong phiên chiều trước lo ngại số ca nhiễm covid trên thế giới tăng nhanh khiến nhiều nước tái áp dụng biện pháp giãn cách. F2201 diễn biến tiêu cực hơn chỉ số VN30, chênh lệch giảm dần từ đầu phiên sáng xuống mức thấp nhất tại -14.78 điểm trước khi đóng cửa hồi phục nhẹ đạt mức -5.6 điểm. Khối ngoại bán ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản tăng nhẹ.

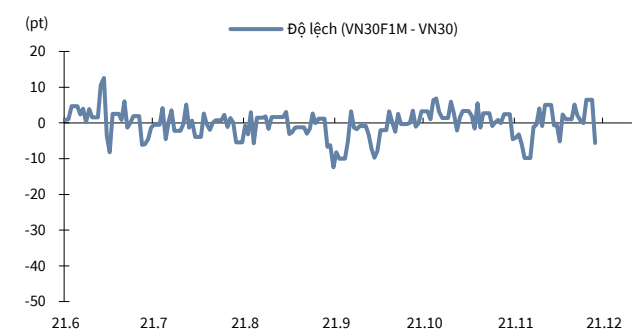
KLGD (HĐ) **135,946 (+1.8%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



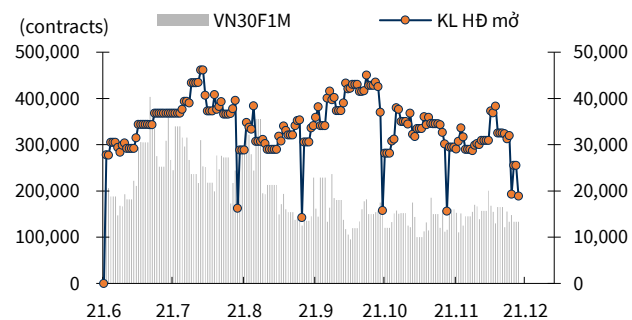
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



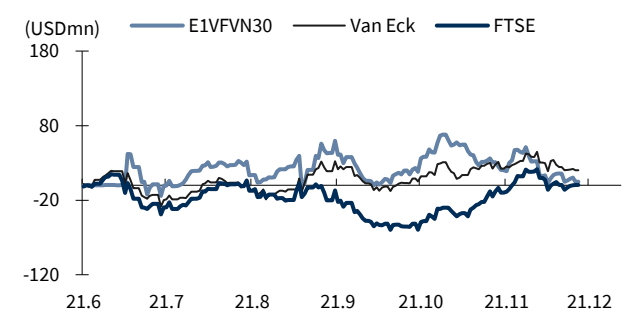
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

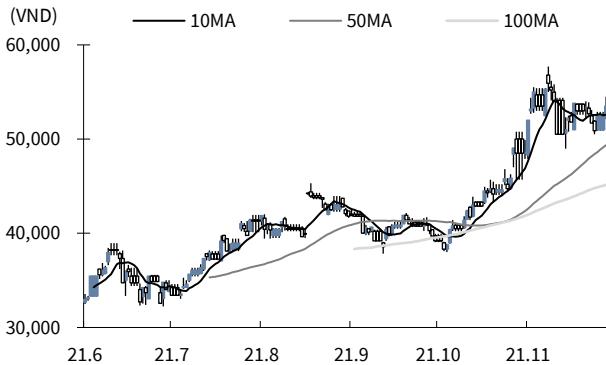
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Chứng khoán SSI (SSI)

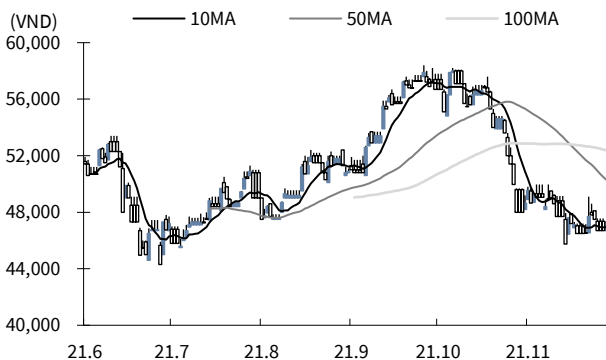


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- SSI tăng 1.9% lên 53.500 VND/cp

- Công ty cổ phần Chứng khoán SSI thông báo triển khai lấy ý kiến cổ đông phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 2:1, tương đương số cổ phiếu dự kiến chào bán 497.3 triệu cổ phiếu, giá 15,000 đồng/cp để tăng năng lực tài chính để đáp ứng nhu cầu khách hàng và cung cấp sản phẩm mới trong năm 2022 và các năm tiếp theo. Theo đó, vốn điều lệ dự kiến sau chào bán tăng lên 14,921 tỷ đồng.

Tập đoàn Hoà Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 0.43% lên 46,900 VND/cp

- UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vừa trao quyết định chủ trương đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án nhà máy sản xuất container chở hàng của Công ty Cổ phần sản xuất Container Hòa Phát, tổng vốn đầu tư 2,400 tỷ đồng. Dự kiến đầu quý II/2022, những sản phẩm container rỗng đầu tiên mang thương hiệu Hòa Phát sẽ có mặt trên thị trường.

20/12/2021

Sunshine Homes (SSH)

Tăng trưởng thần tốc

Chuyên viên phân tích Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Sunshine Homes là doanh nghiệp uy tín trong lĩnh vực đầu tư và phát triển Bất động sản cao cấp

Các dự án quy mô lớn đang triển khai đảm bảo doanh thu lợi nhuận cho Sunshine Homes trong năm 2022-2025

Lợi nhuận tiếp tục tăng trưởng

Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 121,700VND/cp

Sunshine Homes là doanh nghiệp uy tín trong lĩnh vực đầu tư và phát triển Bất động sản cao cấp với các dự án đã triển khai đạt nhiều kết quả tích cực như Sunshine Center và Sunshine City. Mặc dù mới chỉ thành lập khoảng 6 năm trước, Sunshine Homes hiện đã tích lũy được quỹ đất rộng lên tới hơn hơn 300ha trên khắp cả nước và nằm tại các vị trí đắc địa với hạ tầng đồng bộ tại các thành phố lớn như Hà Nội, Nha Trang, Đà Nẵng, Bình Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Khởi đầu với sự thành công của hai dự án Sunshine Center và Sunshine City, Sunshines đang tiếp tục đầu tư phát triển 3 dự án Sunshine Wonder Villas, Sunshine Tây Thăng Long (HN) và Sunshine Diamond River (Tp.HCM). Ba dự án đang triển khai này có quy mô tương đối lớn và ghi nhận tỷ lệ hấp thụ tích cực, đảm bảo doanh thu lợi nhuận cho Sunshine Homes trong năm 2022-2025.

Lợi nhuận duy trì đà tăng trưởng từ năm 2021 khi ghi nhận doanh thu phần còn lại từ dự án Sunshine City và hai dự án đang triển khai. Doanh thu năm 2021 và 2022 của SSH ước tính đạt lần lượt 1,890 tỷ VND và 2,524 tỷ VND, tương ứng với LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 262 tỷ VND (+36%yoy) và 369 tỷ VND (+41%yoy).

Dựa trên kết quả kinh doanh và định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu SSH với giá mục tiêu là 121,700/cp, cao hơn 20% so với giá đóng cửa ngày 17/12/2021.

Rủi ro đầu tư: (1) Rủi ro mang tính chu kỳ của thị trường BĐS (2) Rủi ro từ môi trường pháp lý.

Mua

Giá mục tiêu

Tăng/giảm (%)	20%
Giá hiện tại (17/12/2021)	101,000 VND
Giá mục tiêu đồng thuận	
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ triệu USD)	37.9/1.6

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2019A	2020A	2021F	2022F
Doanh số thuần (tỷ VND)	1,574	1,508	1,890	2,524
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	575	317	425	597
Lợi nhuận của CB công ty mẹ (tỷ VND)	447	193	262	369
EPS (VND)	1,787	772	1,046	985
Tăng trưởng EPS (%)		-57	36	-6
P/E (x)	77.50	179.45	133.82	142.15
P/B (x)	11.81	14.84	12.67	11.99
ROE (%)	15	7	11	10
Tỷ suất cổ tức (%)	0	0	0	0
FY-end	2019A	2020A	2021F	2022F

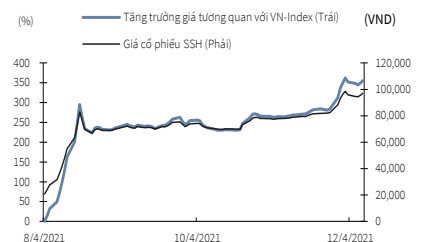
Nguồn: Bloomberg, KBSV

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	100%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	34.9/1.5
Sở hữu nước ngoài (%)	0%
Cổ đông lớn	Ông Đỗ Anh Tuấn (65%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tương đối	24	37		
Tuyệt đối	24	28		



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

17/12/2021

CTCP khí Việt Nam (GAS)

Điểm tựa từ giá dầu thế giới

Chuyên viên phân tích – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Lợi nhuận của GAS trong Q3/2021 chịu tác động mạnh bởi dịch bệnh Covid-19 nhưng được bù đắp bởi giá khí đầu ra tăng

Mặt bằng giá dầu thế giới duy trì ở mức cao cùng với nhu cầu tiêu thụ khí hồi phục sẽ là yếu tố hỗ trợ tốt trong thời gian tới

LNG – động lực tăng trưởng trong dài hạn

Duy trì khuyến nghị MUA với giá mục tiêu VND 125,000

Tổng CTCP Khí Việt Nam (GAS) công bố BCTC hợp nhất Q3/2021 với doanh thu thuần đạt 18.5 nghìn tỷ đồng (-18.3%QoQ, +16.3% YoY) và LNST đạt khoảng 2.4 nghìn tỷ đồng (+7%QoQ, +19.1 %YoY). Mặc dù sản lượng tiêu thụ khí giảm mạnh trong quý 3 do giãn cách cách xã hội tại các tỉnh khu vực phía Nam, nhưng lợi nhuận của công ty vẫn tích cực nhờ yếu tố giá khí đầu ra tăng mạnh theo giá dầu thế giới.

Chúng tôi kì vọng nhu cầu tiêu thụ khí hồi phục vào Q4 khi mà Việt Nam bước vào giai đoạn sống chung với dịch Covid-19 cùng với giá dầu Brent ở nhiều khả năng duy trì ở mặt bằng giá cao trong thời gian tới được xem là yếu tố hỗ trợ mạnh mẽ cho GAS (giá dầu FO tương quan chặt chẽ với giá dầu Brent).

Trước nhu cầu sử dụng điện tăng cao và với quy hoạch tăng tỷ trọng sử dụng điện khí (tính cả LNG) trong dự thảo Quy hoạch phát triển ngành điện 8, triển vọng tiêu thụ LNG sẽ tích cực và mảng LNG được xem là động lực phát triển quan trọng của GAS thời gian tới.

Dựa trên định giá P/E, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA (duy trì) đối với cổ phiếu GAS. Giá mục tiêu là VND 125,000/cp, cao hơn 26.8% so với giá tại ngày 16/12/2021.

Mua

Giá mục tiêu	VND125,000
Tăng/Giảm (%)	26.8%
Giá hiện tại (16/12/21)	VND98,600
Giá mục tiêu consensus	VND130,300
Vốn hóa thị trường (tr USD)	USD8,203 tr

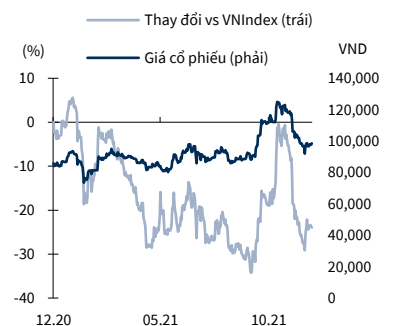
Dữ liệu giao dịch	
Tỉ lệ free-float (%)	4.2%
GTGD TB 3 tháng (tr USD)	USD7.9 tr
Room NĐTNN còn lại (%)	46.3%
Cổ đông lớn (%)	PetroVietnam Group (95.8%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tương đối	-15.5	6.5	7.3	17.2
Tuyệt đối	-16.7	6.5	-5.6	-22.2

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2020A	2021F	2022F	2023F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	64,135	78,236	97,897	116,423
Lợi nhuận gộp (tỷ VND)	11,406	14,104	17,384	20,729
LN của CĐ Công ty mẹ (tỷ VND)	7,855	9,294	11,126	13,108
EPS (VND)	4,089	4,834	5,791	6,824
Tăng trưởng EPS (%)	-33.6%	18.2%	19.8%	17.8%
P/E (x)	20.5	23.2	21.6	19.9
P/B (x)	3.3	4.3	4.5	4.4
ROE (%)	16.2%	18.9%	21.5%	23.3%
Tỷ suất cổ tức (%)	3.0%	4.1%	4.1%	4.1%
Doanh thu thuần (tỷ VND)	64,135	78,236	97,897	116,423

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn: Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp tăng nhẹ vào đầu phiên, VNIndex đảo chiều giảm điểm giằng co trước khi hồi phục và lấy lại một phần điểm số đã mất về cuối phiên.
- Vùng kháng cự gần quanh 148x tiếp tục gây cản trở đà hồi phục của VNIndex khiến chỉ số tiếp tục có một phiên điều chỉnh với biên độ hẹp. Rủi ro rung lắc vẫn còn tiềm ẩn trong những phiên tới trước khi hấp thụ hết áp lực phân phối. Mặc dù vậy, cơ hội quay lại tiếp nối đà hồi phục sau đó vẫn được đánh giá cao hơn cho chỉ số với vùng hỗ trợ đáng lưu ý quanh 1450.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục linh hoạt mua tại hỗ trợ/bán tại kháng cự một phần vị thế trading đối với các cổ phiếu mục tiêu.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1523 - 1527

Kháng cự gần: 1515 - 1518

Hỗ trợ gần: 1500 - 1503

Hỗ trợ xa: 1489 - 1494

- Sau những nỗ lực hồi phục bất thành đầu phiên, F1 giảm điểm giằng co với biên độ mở rộng trước khi lấy lại một phần điểm số đã mất vào cuối phiên.
- Vùng hỗ trợ gần quanh 1500 đã cho phản ứng và giúp chặn lại đà rơi của chỉ số. Sau nhịp "rủ cung" trong phiên hôm nay, mặc dù F1 có thể sẽ còn tiếp tục trải qua áp lực rung lắc trong phiên kế tiếp nhưng cơ hội hồi phục sau đó vẫn được đánh giá cao hơn.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế Long tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục mở 1 phần trạng thái Long tại vùng hỗ trợ gần nhưng đặt ngưỡng dừng lỗ chặt.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

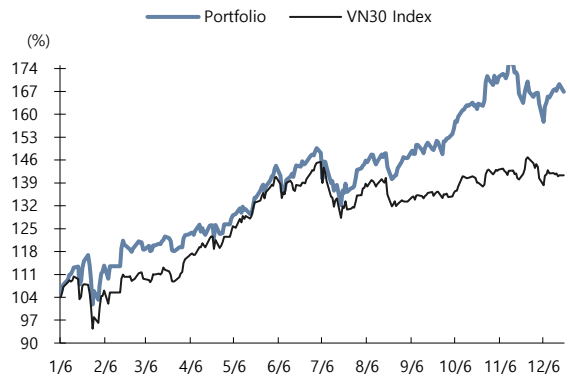
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.00%	-1.36%
Tăng lũy kế (YTD)	41.36%	66.90%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 20/12/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	133,000	-1.1%	72.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	62,500	-3.5%	182.5%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	94,200	-1.4%	22.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	184,000	-1.1%	-4.2%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	67,100	-0.7%	97.4%	- Màng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	95,800	-0.6%	229.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viên thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	32,450	-1.5%	71.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	96,700	-2.3%	31.7%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	46,900	0.4%	224.0%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	56,000	-1.8%	308.8%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VRE	0.8%	13.6%	59.9
HPG	0.4%	17.4%	59.1
HDB	0.3%	54.5%	50.2
TCH	-2.0%	24.1%	37.3
VNM	0.0%	29.8%	33.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CII	6.9%	15.3%	-131.5
HSG	-1.1%	4.0%	-42.0
VIC	-2.9%	97.9%	-48.3
TPB	4.7%	26.3%	-6.7
PC1	-2.9%	32.8%	-13.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	-5.5%	0.4%	4.4
VE1	9.6%	8.2%	1.9
CEO	5.7%	56.8%	1.8
VCS	0.8%	0.5%	1.6
SHS	2.0%	2.1%	1.5

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
NRC	0.7%	13.2%	-2.9
KLF	2.4%	1.6%	-1.5
PVG	-3.5%	7.2%	-1.5
TIG	1.5%	2.1%	-0.8
API	-1.1%	5.4%	-0.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	3.4%	YEG, ADG
Xây dựng và Vật Liệu	2.2%	CII, VCG
Dịch vụ tài chính	2.1%	VND, HCM
Ô tô và phụ tùng	1.5%	TCH, HHS
Bất động sản	1.3%	BCM, DIG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	-3.4%	HVN, VJC
Bảo hiểm	-3.1%	BVH, PGI
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.4%	PNJ, MSH
Dầu khí	-2.3%	PVD, PLX
Hóa chất	-2.0%	GVR, DGC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	13.5%	VGC, CII
Bất động sản	9.3%	NVL, VIC
Truyền thông	6.9%	YEG, ADG
Ô tô và phụ tùng	6.9%	SVC, TCH
Dịch vụ tài chính	6.0%	SSI, VND

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng cá nhân & Gia dụng	-5.9%	PNJ, TCM
Bảo hiểm	-4.8%	BVH, MIG
Dầu khí	-4.4%	PLX, PVD
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-3.3%	GEX, APH
Tài nguyên Cơ bản	-3.1%	DHC, SHI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	402,050 (17.6)	22.5	124.4	140.6	14.7	3.4	3.0	4.0	3.9	-2.9	-4.1	4.4	2.9
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	552,342 (24.2)	26.6	10.0	9.0	35.9	31.5	27.5	3.0	2.3	-1.2	1.7	3.7	21.3
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	255,029 (11.2)	17.8	38.2	24.6	-7.6	6.1	9.0	2.3	2.1	0.8	2.0	1.8	-1.1
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	453,900 (19.9)	31.3	41.2	30.0	6.7	13.8	13.9	5.6	4.9	0.1	2.9	12.8	139.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	84,924 (3.7)	11.6	29.2	21.6	18.0	13.5	15.7	3.3	3.0	-0.8	0.8	8.9	87.7
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	408,823 (17.9)	13.9	16.5	13.3	-	16.5	16.4	2.4	2.0	-1.9	4.1	33.7	156.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	109,898 (4.8)	6.3	18.3	15.2	11.7	20.3	20.4	3.2	2.6	3.1	-0.1	2.5	1.6
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	101,956 (4.5)	12.7	19.5	14.7	-5.3	13.2	15.5	2.1	1.9	-0.7	-2.0	0.5	-6.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	773,391 (33.9)	0.0	10.1	8.5	14.3	21.0	20.0	1.9	1.6	-0.7	-1.0	-5.4	57.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	358,167 (15.7)	1.4	11.9	8.6	61.1	16.3	19.6	1.6	1.4	-1.5	-3.1	-1.1	21.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	793,457 (34.8)	0.0	12.1	10.2	18.8	17.8	15.9	1.8	1.6	1.0	-3.5	-5.7	89.1
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	370,775 (16.3)	0.0	8.8	7.4	14.6	21.7	21.7	1.7	1.4	-1.1	-1.8	-1.4	65.3
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	217,908 (9.6)	4.2	10.3	9.2	23.3	20.9	19.9	2.0	1.7	0.3	-1.5	-2.0	55.8
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	625,501 (27.4)	14.0	17.4	13.1	26.5	10.0	11.4	1.6	1.4	1.2	0.0	2.7	69.5
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	255,639 (11.2)	0.0	13.3	10.9	37.5	21.2	20.2	2.5	2.0	4.7	6.4	-8.5	48.5
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	19,167 (0.8)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	1.7	0.0	-4.9	37.4	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	58,214 (2.6)	21.0	22.8	19.1	15.8	9.1	10.1	1.9	1.8	-1.7	-4.4	-7.4	-14.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	24,398 (1.1)	14.2	22.4	19.3	9.1	10.9	12.6	2.1	2.0	0.4	3.0	-3.5	75.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	1,185,483 (52.0)	55.4	23.4	25.5	-3.2	17.7	13.7	-	-	1.9	0.2	10.3	144.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	293,476 (12.9)	71.9	18.4	-	-4.0	25.0	25.8	-	-	2.3	-0.8	3.6	163.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	264,938 (11.6)	52.4	17.7	-	-19.0	23.0	21.4	-	-	1.8	5.1	0.9	96.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	559,948 (24.5)	27.2	-	-	36.3	31.7	19.8	-	-	6.5	5.8	13.6	353.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	183,782 (8.1)	42.1	18.3	17.2	4.0	32.9	33.2	5.4	5.1	0.0	-0.8	-0.5	-21.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	23,126 (1.0)	36.9	27.4	22.1	7.3	17.6	19.4	4.3	3.7	-0.7	-2.2	10.8	-23.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	215,870 (9.4)	16.5	41.4	29.4	-51.9	31.6	23.1	8.7	6.8	2.9	3.8	9.9	82.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	136,139 (5.9)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	2.9	-1.8	19.0	-26.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	106,039 (4.6)	11.0	-	34.2	-88.5	0.4	16.2	-	-	-0.3	-2.9	-4.5	-2.3
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	94,030 (4.1)	10.8	40.2	27.4	-57.0	8.6	12.2	2.4	2.4	-2.2	-1.4	-3.0	47.9
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	281,734 (12.3)	38.4	155.6	20.8	65.7	1.3	8.2	1.9	1.7	6.9	28.8	30.3	79.9
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	290,709 (12.7)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	6.6	27.0	55.6	346.6
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	663,856 (29.1)	37.7	-	-	-13.2	12.3	11.9	-	-	-2.6	-1.0	14.7	142.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	73,338 (3.2)	3.6	48.7	17.5	-52.4	1.6	4.5	0.8	0.8	-2.7	-1.9	23.3	14.3
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	37,580 (1.6)	0.0	12.2	9.7	-4.5	11.9	13.2	1.5	1.3	-0.7	-3.3	0.0	37.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	92,953 (4.1)	46.1	19.1	15.7	-17.5	19.7	22.3	3.7	3.4	-2.3	-1.3	-8.8	11.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	36,165 (1.6)	31.4	14.9	10.4	-10.5	12.1	15.8	1.8	2.4	4.2	10.7	19.5	9.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	6,640 (0.3)	34.1	17.1	13.0	-5.1	8.9	11.6	1.5	1.5	0.0	2.2	4.9	-3.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	928,575 (40.7)	18.0	5.6	6.6	21.9	45.2	29.9	2.1	1.6	0.4	0.8	-2.3	52.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	226,045 (9.9)	36.5	8.1	10.3	-0.5	28.4	19.3	2.0	1.8	1.0	0.8	9.6	168.1
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	240,752 (10.5)	46.5	16.2	11.8	-4.5	19.8	22.4	2.9	2.6	-0.3	1.2	5.3	170.0
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	251,322 (11.0)	38.9	5.8	6.5	67.9	25.0	19.2	1.3	1.0	-1.1	1.6	-4.8	77.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	110,073 (4.8)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-2.7	2.5	3.4	38.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	97,705 (4.3)	4.6	24.5	16.9	-51.0	14.7	16.3	2.9	2.9	-2.4	-1.3	-	-2.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	167,735 (7.3)	39.9	175.0	24.8	-11.9	0.5	4.0	0.8	0.8	-3.8	-7.8	-6.1	65.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	56,953 (2.5)	35.9	11.1	8.9	1.2	14.3	16.7	1.5	1.3	-3.5	-3.1	-5.5	65.4
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	143,442 (6.3)	0.0	20.6	15.0	13.7	26.6	28.3	4.7	3.8	-1.1	-1.4	-4.3	67.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	53,635 (2.4)	0.0	23.0	15.8	2.4	18.4	22.9	3.8	3.2	-1.4	-4.4	-7.9	16.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	7,728 (0.3)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	7.0	9.9	9.3	-56.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	91,020 (4.0)	30.3	41.3	40.8	-75.2	13.4	12.6	5.3	4.8	7.0	15.2	47.8	172.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	57,065 (2.5)	34.6	25.7	10.4	41.2	13.4	30.4	2.9	2.6	-2.5	-2.6	-3.7	13.0
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	7,330 (0.3)	45.4	22.2	21.0	10.7	21.2	20.6	4.3	3.9	4.0	-3.5	28.8	23.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	203 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-0.4	4.8
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	161,385 (7.1)	0.0	20.7	17.0	15.5	24.0	25.3	4.4	4.0	-0.6	-0.2	0.5	86.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

